TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 77/2023/DS-GĐT
Ngày: 10/4/2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng giám đốc thẩm gồm có 10 thánh viên Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia xét xử, do ông Trần Văn Châu - Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm Chủ tọa phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Vũ Phương - Thẩm tra viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất"; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Đinh Văn N sinh năm 1967

1.2 Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ H khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1960

2.2 Bà Nguyễn Thu T sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp E, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Mai T1, sinh năm 1968

3.2 Bà Lê Thị Kim O, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3.3 Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ G, ấp E, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3.4 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ G, ấp E, xã H huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3.5 Ông Đặng Văn T3, sinh năm 1972

3.6 Bà Đoàn Thị N1 sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ H, ấp E, xã H, huyện X tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.7 Ủy ban nhân dân huyện X

Địa chỉ: Q, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật là ông Đặng Thanh M1, Chủ tịch UBND huyện Xuyên Mộc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 06/6/2008, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/02/2013 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đinh Văn N trình bày: Vào năm 1993, Ủy ban nhân dân (sau đây được viết tắt là UBND) xã H có cấp cho vợ, chồng ông một lô đất gồm 2 thửa, diện tích 1.000m^2 và vợ, chồng ông đã trồng cây điều trên đất. Năm 1994, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.072m^2 (gồm thửa đất số 92 có diện tích 342m^2 và thửa đất số 1158 có diện tích 580m^2) tờ bản đồ số 08 xã H, còn thửa 1157 chưa được cấp giấy. Cùng năm này, vợ, chồng ông có chuyển nhượng cho vợ, chồng ông Mai T1 và bà Lê Thị Kim O toàn bộ thửa đất số 92. Năm 2005, ông H1 và bà T đã lấn chiếm của vợ, chồng ông toàn bộ thửa đất số 1157 và thửa đất số 1158.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu vợ, chồng ông H1, bà T trả lại cho vợ, chồng ông thửa đất số 1157 và thửa đất số 1158 và toàn bộ cây điều trên đất. Bà Nguyễn Thị Kim H thống nhất với trình bày của ông N.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thu T trình bày: Vào năm 1992, vợ, chồng ông, bà được UBND xã H cấp 01 lô đất có diện tích 2.000m^2 và mua thêm 01 lô diện tích 1.500m^2 với giá 1.200.000 đồng. Năm 1993, UBND xã H tiến hành giao đất, sau khi nhận đất vợ, chồng ông, bà trồng hàng ranh và sử dụng liên tục từ đó đến nay. Năm 1994, vợ, chồng ông, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên do nhầm lẫn nên UBND huyện X chỉ cấp cho diện tích 2.000m^2, còn diện tích được hóa giá thì cấp cho ông N, đến năm 2005 khi có dự án làm đường, cán bộ địa chính xã nói vợ, chồng ông, bà mới biết việc cấp nhầm. Phần diện tích ông, bà mua hóa giá đã cấp nhầm cho ông N, bà H là thửa đất số 1157 và thửa đất số 1158, tờ bản đồ số 08 xã H.

Nay, ông N yêu cầu trả thửa đất số 1157 và thửa đất số 1158, tờ bản đồ số 08 xã H, cùng cây trồng trên đất thì ông, bà không đồng ý và đề nghị Tòa hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1158, tờ bản đồ số 08 xã H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Mai T1 và bà Lê Thị Kim O trình bày: Vào năm 1998, vợ, chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng của vợ, chồng ông N, bà H 01 thửa đất có diện tích 1.000m^2, hai bên có làm giấy tay với nhau, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, vợ, chồng ông, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 492m^2 thuộc thửa đất số 92, so với thỏa thuận thì vẫn còn thiếu phần đất có diện tích 508m^2. Theo giấy tờ thì vợ, chồng ông N, bà H còn thiếu ông, bà phần đất có diện tích 508m^2, nhưng trên thực tế thì ông, bà đang sử dụng 1.000m^2 như giao nhận đất lúc nhận chuyển nhượng (gồm thửa đất số 92 đã sang tên và thửa đất số 91 chưa cấp giấy cho ai). Nay, các bên tranh chấp quyền sử dụng đất thì ông, bà không có yêu cầu gì, còn việc thiếu đất thì ông, bà và vợ, chồng ông N, bà H tự giải quyết. Theo sơ đồ vị trí do Văn phòng (nay là chi nhánh) đăng ký quyền sử dụng đất huyện X lập ngày 25/6/2014 để giải quyết tranh chấp có lấn đất của ông, bà đang sử dụng là 98m^2 thì ai được quyền sử dụng ông, bà sẽ thỏa thuận với người đó, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà có đất giáp ranh với thửa đất đang tranh chấp. Theo sơ đồ vị trí Văn phòng (nay là Chi nhánh) đăng ký quyền sử dụng đất huyện X lập ngày 25/6/2014 để giải quyết tranh chấp có lấn sang phần đất của bà một phần nhưng không nhiều nên ai được quyền sử dụng đất thì bà đồng ý cho phần đất này không yêu cầu trả lại.

Bà Đoàn Thị N1 trình bày: Theo sơ đồ vị trí do Văn phòng (nay là Chi nhánh) đăng ký quyền sử dụng đất huyện X lập ngày 25/6/2014 để giải quyết tranh chấp có lấn sang phần đất của bà một phần nhưng không nhiều nên ai được quyền sử dụng đất thì bà sẽ thỏa thuận phần đất này với người đó, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị M trình bày: Theo sơ đồ vị trí do Văn phòng (nay là Chi nhánh) đăng ký quyền sử dụng đất huyện X lập ngày 25/6/2014 để giải quyết tranh chấp có lấn sang phần đất của bà một phần nhưng không nhiều nên khi được quyền sử dụng đất thì bà sẽ thỏa thuận phần đất này với người đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân dân huyện X trình bày: trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn N đối với thửa đất số 1158 là đúng quy định của pháp luật. Ông H1, bà T yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 1158, tờ bản đồ 08 xã H do Tòa án xem xét quyết định, UBND huyện không có ý kiến, không yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 02/02/2018, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đã quyết định: (tóm tắt)

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ, chồng ông Đinh Văn N, bà Nguyễn Thị Kim H đối với vợ, chồng ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thu T.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 295803 ngày 06/10/2003 của Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Đinh Văn N đối với thửa đất số 1158 tờ bản đồ số 08 xã H, huyện X

Công nhận thửa đất số 1157, thửa đất số 1158, tờ bản đồ số 08 xã H, huyện X thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thu T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/02/2018, ông Đinh Văn N, bà Nguyễn Thị Kim H có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 59/2018/DS-PT ngày 30/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đã quyết định: (tóm tắt)

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ, chồng ông Đinh Văn N, bà Nguyễn Thị Kim H đối với vợ, chồng ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thu T.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X295803 ngày 06/10/2003 của UBND huyện X cấp cho ông Đinh Văn N đối với thửa đất số 1158 tờ bản đồ 08 xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hủy phần công nhận thửa đất 1157, 1158 tờ bản đồ 08 xã H, huyện X thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thu T.

Ngày 22/8/2018, ông Đinh Văn N có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 22/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo số 516/TB-VKS-DS trả lời về việc không kháng nghị. Ngày 24/8/2022, ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị Kim H có đơn đề nghị xem xét lại Thông báo số 516/TB-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 59/2018/DS-PT ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 197/QĐ-VKS-DS ngày 04/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 59/2018/DS-PT ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo hướng sửa Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, bà H, buộc ông H1, bà T có nghĩa vụ giao trả thửa đất số 1157, thửa đất số 1158, chi phí đo vẽ sơ đồ vị trí, định giá, sao lục hồ sơ và tài sản trên đất cho ông N, bà H.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn ông Đinh Văn N, bà Nguyễn Thị Kim H cho rằng phần đất có diện tích 503m^2 thuộc thửa đất số 1158, tọa lạc tại xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được UBND huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho ông N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X295803 vào ngày 06/10/2003, có

nguồn gốc do ông được UBND xã H cấp năm 1993. Phần đất có diện tích 796m^2 thuộc thửa đất số 1157 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc do ông và vợ là bà H khai phá. Bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thu T cho rằng nguồn gốc các thửa đất số 1157, thửa đất số 1158 nêu trên do ông và vợ là bà T mua hóa giá vào năm 1992.

[2] Theo các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Năm 1992, UBND huyện X thu hoạch vườn cây giá tỵ và giao đất trống cho UBND xã H phân lô cấp cho các cá nhân có nhu cầu. UBND xã H đã phân cho cán bộ 07 lô và hóa giá 18 lô. Ông N là cán bộ huyện đủ điều kiện được phân 01 lô đất có diện tích khoảng 1.000m^2 giáp mặt tiền hẻm ngang 25m, dài 40m (lô 2), còn ông H1 là cán bộ Công an xã nên được phân 01 lô đất giáp lộ 328, phía sau lô đất của ông N có diện tích khoảng 2.000m^2. Trong quá trình hóa giá thì có một lô đất phía trước to, phía sau nhỏ ngay sau lô đất ông H1 được phân nên Ủy ban nhân dân xã đã hóa giá cho ông H1 phần đất có diện tích 1.500m^2. Sau khi được phân 01 lô đất, ông N đã chuyển nhượng toàn bộ lô đất ông được phân cho vợ, chồng ông Mai T1 và bà Lê Thị Kim O với giá 08 chỉ vàng, hai bên đã giao nhận tiền và đất. Vợ, chồng ông T1, bà O đã nhận đủ đất và sử dụng từ năm 1998 đến nay.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

[3.1] Về nội dung kháng nghị cho rằng: Việc ông N chuyển nhượng cho ông Mai T1 thửa đất số 92, có diện tích theo giấy chứng nhận là 492m^2 nhưng diện tích đất thực tế khoảng 1.000m^2 là quan hệ dân sự giữa ông N và ông T1, hoàn toàn tách biệt với vụ án này, không làm thay đổi quyền sử dụng đất hợp pháp của ông N đối với thửa đất số 1158. Lập luận này không có cơ sở chứng minh diện tích đất ông N đã chuyển nhượng cho ông T1 là hoàn toàn tách biệt không liên quan đến diện tích đất ông N được cấp.

[3.2] Căn cứ vào sơ đồ vị trí ngày 25/6/2014, diện tích đất của ông N được cấp thuộc thửa đất số 91, thửa đất số 92, nhưng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện đã không căn cứ vào thực trạng cũng như quá trình phân lô đất, giao đất tại xã để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã cấp cho ông N thửa đất số 92 có diện tích 492m^2 là thửa ông T1 đang sử dụng và thửa đất số 1158 (ở phía sau thửa đất số 92) ông H1 đang sử dụng, hai thửa này không thành 01 lô. Còn thửa đất số 1157 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 91, hiện ông T1 đang sử dụng nằm trong lô ông N được cấp cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Báo cáo ngày 15/10/2007 của Ban địa chính - xây dựng UBND xã H: "Năm 1993, Ủy ban nhân dân xã H tiến hành đo đạc thành lập bản đồ địa chính để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, thời điểm này các ranh giới thực địa không ổn định nên Trung tâm đo đạc thể hiện trên bản đồ không đúng như đã quy hoạch dẫn đến các thửa đất trên bản đồ bị sai về hình thửa nhiều. Ngày 15/5/1994, ông Đinh Văn N làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 1.000m^2 tại hai thửa đất số 92, 1158. Do không xác định thửa đất

mình đang sử dụng cũng như bản đồ địa chính là sai do nêu trên dẫn đến Hội đồng xét cấp giấy đã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp cho ông Đinh Văn N thửa đất trên là sai thực tế."

[3.3] Ngoài ra, theo lời trình bày của ông T1, bà O là những người đã nhận chuyển nhượng lại thửa đất số 92, tờ bản đồ địa chính số 08 xã H của ông N, bà H, mặc dù trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi diện tích đất 492m^2, nhưng thực tế khi giao đất chỉ ranh thì bao gồm toàn bộ diện tích đất, hiện nay ông T1, bà O đã sử dụng các thửa đất số 91, 92 với diện tích 1.000m^2. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm nhận định lô đất ông N được cấp 1.000m^2 là thửa đất số 91 (phía trước lô đất) và thửa đất số 92 đã chuyển nhượng hết cho ông T1, bà O là có cơ sở.

[4] Về nội dung kháng nghị cho rằng không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông Nguyễn Hữu H1 về thửa đất số 1157, thửa đất số 1158 có nguồn gốc do ông mua hóa giá.

[4.1] Căn cứ đơn xin mua đất (Bút lục số 66), phiếu thu tiền ngày 22/8/1994 của Ủy ban nhân dân xã H, nội dung thu về khoản thu hóa giá đất ngày 20/6/1996 (Bút lục số 66A), biên bản hóa giá đất và lô gia cư ngày 20/6/1993 trong đó thể hiện phần đất ông H1 được hóa giá có phía tây giáp lô số 01 (Bút lục 66B, 66C). Hơn nữa, theo lời trình bày của ông Nguyễn D thì sau khi hóa giá, ông là người trực tiếp đi giao đất cho ông H1. Diện tích đất ông D giao cho ông H1 bao gồm cả phần diện tích đất đang tranh chấp. Như vậy, nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông H1 mua hóa giá năm 1993 là phù hợp, có cơ sở chấp nhận. Đồng thời, cũng theo lời trình bày của ông D thì khu vực đất xảy ra tranh chấp trước đây trồng cây giá tỵ, phần không trồng cây thì người dân đã canh tác và sử dụng, không còn đất hoang. D đó, lời trình bày của ông N, bà H về nguồn gốc thửa đất số 1157 là do ông N, bà H khai phá là không có căn cứ.

[4.2] Ngoài ra, việc ông N cho rằng sau khi được cấp đất ông đã khai phá thêm thửa đất số 1157, ông N đã trồng cây điều trên phần đất tranh chấp liên tục từ năm 1993 đến năm 2005, khi Nhà nước có chủ trương làm đường mới phát sinh tranh chấp với ông H1. Tuy nhiên, quá trình thu thập và giải quyết vụ án cho thấy ông N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông là người quản lý, sử dụng đất. Thực tế, những người có đất sát với phần đất tranh chấp đã xác định ông H1, bà T là người đã quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1993 đến nay.

Về quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1158, tờ bản đồ số 08 cho ông N, bà H, do UBND huyện X không xác minh, không đo đạc cụ thể nên đã cấp sai đối tượng sử dụng đất, sai diện tích dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn N, bà Nguyễn Thị Kim H là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, không thể chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Do bị đơn là ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thu T không có đơn phản tố, không có yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nên Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm về việc công nhận quyền sử dụng các thửa đất số 1157, 1158 cho bị đơn và bị đơn có quyền khởi kiện phần này khi có yêu cầu và có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325, Điều 337, Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 197/QĐ-VKS-DS ngày 04/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 59/2018/DSPT ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đối với vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn là ông Đinh Văn N, bà Nguyễn Thị Kim H, bị đơn là ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thu T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được liệt kê tại trang 1, trang 2 của quyết định này.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định ./.

Nơi nhận:
- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP.HCM (để biết);
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- TAND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện xuyên Mộc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GĐKTIII, HSVA.

VPg

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Châu